

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Hùng

2. Ông Trần Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh V, (có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/6/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn ngày 21/9/2015 có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L. Kết hôn xong, chị về sống chung cùng anh H ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc

đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi cờ bạc, không chịu làm ăn, vợ chồng xảy ra cãi nhau và vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, gia đình hai bên có dàn xếp cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hoàng Thị D, sinh ngày 02/3/2016 và Hoàng Tú U, sinh ngày 30/03/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị để anh H nuôi cả hai con chung, chị đóng góp nuôi con chung cùng anh H là 1.000.000đ/tháng/2 cháu kể từ tháng 8/2020 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn Hoàng Văn H, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2020, anh Hoàng Văn H trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Con chung: Anh H xác nhận như chị M trình bày là đúng. Hiện tại cả 02 cháu đang ở cùng anh, hiện anh đang làm nghề tự do, sống cùng nhà với bố mẹ đẻ. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị M được ly hôn anh H; con chung: Giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Hoàng Thị D, sinh ngày 02/3/2016 và cháu Hoàng Tú U, sinh ngày 30/03/2018, chị M đóng góp nuôi con chung cùng anh H là

1.000.000đ/tháng/2 cháu; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị M và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn trong vụ án là anh Hoàng Văn H có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn H, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Hoàng Văn H nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Hoàng Văn H là cuộc hôn nhân tiền bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không bao ban được nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chị M xin ly hôn, anh H nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh H đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng; không quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị M xin ly hôn anh H là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Chị M và anh H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị D, sinh ngày 02/3/2016 và Hoàng Tú U, sinh ngày 30/03/2018. Ly hôn, chị M để anh H nuôi cả hai con chung và tự nguyện đóng góp nuôi con chung cùng

anh H; anh H xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị M phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh H xin nuôi hai con, tại phiên tòa chị M nhất trí để anh H nuôi con và tự nguyện đóng góp nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng/2 cháu kể từ tháng 8/2020 đến khi các con đủ 18. Xét yêu cầu của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu của đương sự.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn H.

[2] Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị D, sinh ngày 02/3/2016 và cháu Hoàng Tú U, sinh ngày 20/3/2018; chị M đóng góp nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng/2 cháu kể từ tháng 8/2020 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007772 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị M phải nộp tiếp 300.000đ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lê Thị Nga**